

Bản án số: 03/2018/HSST

Ngày: 18/01/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuông.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Quang Linh - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2018, TAND huyện Kinh Môn mở phiên tòa công khai tại trụ
sở để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 115/2016/HSST ngày 22/12/2017
đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ N - Sinh năm 1975.

STQ: Thôn Q, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo:

Không.

Trình độ văn hóa: 8/12;

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Bố: Nguyễn Văn K - Sinh năm 1944; Mẹ: Vũ Thị O - Sinh năm 1952.

Gia đình có 7 anh chị em, bị cáo là con thứ 3. Chồng: Bùi Văn N (đã
chết); có 02 con: Lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 09/9/2017 tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an
tỉnh Hải Dương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Vũ Thị Q - Sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn C, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại
phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 9 giờ ngày 06/9/2017 Hoàng Văn S và Phùng Văn T rủ nhau đi mua dâm, mỗi người góp 700.000đ để trả tiền mua dâm và tiền nhà nghỉ; số tiền trên do S cầm. Sau đó S dùng điện thoại gọi điện cho Nguyễn Thị N để rủ N bán dâm cho S và S nói có 01 người bạn nữa nên bảo N tìm thêm một người nữa để bán dâm cho bạn của S và nói sẽ cho N 500.000đ; S hẹn N đến phòng 301, 302 của nhà nghỉ Bảo Sơn thuộc thị trấn M, huyện K để thực hiện việc mua án dâm, N đồng ý. Sau đó N dùng điện thoại di động của N gọi điện cho Vũ Thị Q rủ Q đi bán dâm và nói sẽ cho Q số tiền 300.000đ, Q đồng ý và đi xe máy đến nhà N.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, N điều khiển xe mô tô Airblade biển số 15G1.466.46 chở Q từ nhà N đến nhà nghỉ Bảo Sơn; khi đến nơi thì Q vào phòng 301 để bán dâm cho T, N vào phòng 302 để bán dâm cho S. Khi vào phòng 302 thì N nhìn thấy trên bàn có tiền, N cầm lên đếm được 1.420.000đ; S nói với N số tiền trên là tiền trả tiền mua dâm và tiền thuê phòng. Khoảng hơn 11 giờ cùng ngày tại nhà nghỉ Bảo Sơn; khi N và S đang quan hệ tình dục tại phòng 302, Q và T đang quan hệ tình dục tại phòng 301 thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ tại phòng 302 một vỏ bao cao su nhãn hiệu Love, 1 bao cao su đã qua sử dụng và số tiền 1.420.000đ; thu giữ tại phòng 302 một vỏ bao cao su nhãn hiệu Love và 01 bao cao su đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra cũng tiến hành quản lý 01 chiếc xe máy biển số 15G1-446.46; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel kèm theo 01 sim do N giao nộp. Quản lý chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel kèm theo 01 sim điện thoại do Q giao nộp. Đối với chiếc sim điện thoại của S sử dụng liên lạc với N để trao đổi việc mua bán dâm thì S đã vứt đi, không thu hồi được.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị N hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội.

Trong vụ án này Nguyễn Thị N có hành vi bán dâm cho Hoàng Văn S, Vũ Thị Q có hành vi bán dâm cho Phùng Văn T, tuy nhiên hành vi bán dâm do N và Q thực hiện không cấu thành tội phạm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Hoàng Văn S và Phùng Văn T lợi dụng sơ hở khi làm việc với Cơ quan Công an đã bỏ trốn, xác minh thì không có ai có lý lịch như các đối tượng đã tự khai nên không có căn cứ để xử lý.

Ông Nguyễn Văn Th là quản lý của nhà nghỉ Bảo Sơn, do không biết các đối tượng thuê phòng nghỉ để thực hiện hành vi mua bán dâm nên không có căn cứ xử lý. Đối với số tiền thuê nhà nghỉ chưa được thanh toán, do số tiền không lớn nên ông Th tự nguyện không yêu cầu những người thuê phòng phải thanh toán.

Chiếc xe máy biển số 15G1 - 466.46 quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Lê Thị H, sinh năm 1981; trú tại: xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng bị chiếm đoạt nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn đã bàn giao

chiếc xe này cho Công an huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 01/VKS-HS ngày 22/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi môi giới để Vũ Thị Q bán dâm cho Phùng Văn T và xác định thỏa thuận bán dâm cho S và T với số tiền 500.000đ/01 người; khi S trả tiền mua dâm giữa Q Với T thì bị cáo chỉ trả cho Q số tiền 300.000đ, số tiền còn lại để đi ăn uống. Bị cáo không thừa nhận mục đích vụ lợi từ việc môi giới mại dâm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Vũ Thị Q vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2. Tuy nhiên, quá trình điều tra Q xác định chiếc điện thoại di động cùng sim điện thoại bị thu giữ sử dụng liên lạc với N trong việc mua bán dâm, chị Q không đề nghị nhận lại và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

* Đại diện VKSND huyện Kinh Môn giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xem xét quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại Điều 7; khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và hướng dẫn tại Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/1/2018 của Tòa án nhân dân Tối Cao. Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”.

Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

- Xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Tịch thu cho tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Love. Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel cùng sim có trong máy điện thoại. Tịch thu sung quỹ nhà nước tổng số tiền 1.420.000đ là tiền sử dụng vào việc mua bán dâm.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Pháp lệnh án, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau

*** Về hành vi, quyết định tố tụng:** Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Kinh Môn; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*** Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:** Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị N thừa nhận hành vi phạm tội như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát, những lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo tại quá trình điều tra (BL 59 - 79, 106), phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Vũ Thị Q (BL 48 - 58) và những người làm chứng là Phùng Văn T (BL 41 - 43), Hoàng Văn S (BL 44 - 47), Nguyễn Văn Th (BL 36 - 39). Những lời khai này cũng phù hợp khách quan với những tài liệu điều tra khác do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án như: Biên bản vụ việc (BL 08 - 09), Biên bản quản lý và niêm phong vật chứng (BL 10 - 11), Biên bản kiểm tra điện thoại (BL 14).

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 9 giờ ngày 06/9/2017, Nguyễn Thị N đã có hành vi sử dụng điện thoại để dẫn dắt gái mại dâm là Vũ Thị Q bán dâm cho Phùng Văn T. Đến 10 giờ 30 phút thì N đã đưa Q đến nhà nghỉ Bảo Sơn tại thị trấn M, huyện K để Q bán dâm cho T, bản thân N cũng trực tiếp thực hiện hành vi bán dâm cho Hoàng Văn S. Khi S và N, T và Q đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 301, 302 tại nhà nghỉ Bảo Sơn thì bị phát hiện bắt giữ.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

*** Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:** Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội; trong vụ án này bị cáo không những thực hiện hành vi dẫn dắt người mại dâm để bán dâm mà bị cáo còn trực tiếp thực hiện hành vi bán dâm. Chỉ vì mục đích háms lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội; xâm phạm đến thuần phong, mỹ tục của dân tộc; gây thiệt hại về vật chất, tinh thần, ảnh hưởng đến cuộc sống hạnh phúc lành mạnh và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội

phạm và tệ nạn xã hội khác, làm lây truyền nhiều căn bệnh xã hội nguy hiểm. Vì những lý do trên, nhà nước và nhân dân ta luôn tích cực đấu tranh, loại bỏ tội phạm này khỏi đời sống xã hội. nên cần xét xử vụ án nghiêm minh; cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và mang tính răn đe, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

*** *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*** Tại quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 - BLHS. Mặt khác, khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định khung hình phạt từ sáu tháng đến 05 năm tù, tuy nhiên khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 chỉ quy định khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù nên bị cáo được áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/1/2018 của Tòa án nhân dân Tối Cao.

*** *Hình phạt bổ sung:*** Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

*** *Xử lý vật chứng:***

+ 02 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel cùng sim điện thoại có trong máy là công cụ Nguyễn Thị N và Vũ Thị Q đã sử dụng liên lạc với nhau để thực hiện hành vi môi giới mại dâm, đây là tài sản còn giá trị sử dụng nên tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước.

+ Số tiền 1.420.000đ là tiền sử dụng thực hiện hành vi mua bán dâm và trả tiền thuê phòng nghỉ; ông Th là quản lý nhà nghỉ xác định số tiền thuê phòng không lớn nên tự nguyện không yêu cầu những người thuê phòng phải thanh toán. Do vậy xác định số tiền này sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cho tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 02 vỏ bao cao su; 02 bao cao su đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- ***Tuyên bố:*** Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội: “*Môi giới mại dâm*”.

- ***Áp dụng:*** khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 (*khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội*).

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

- **Xử phạt:** Nguyễn Thị N 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 09/9/2017.

- **Xử lý vật chứng:** áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước: 02 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.420.000đ.

+ Tịch thu cho tiêu hủy 02 vỏ bao cao su; 02 bao cao su đã qua sử dụng.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn)

- **Án phí:** Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

- **Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đã báo cho bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kinh Môn.

- Công an huyện Kinh Môn.

- Trại tạm giam Kim Chi - CA tỉnh Hải Dương.

- Chi cục THADS huyện Kinh Môn.

- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo, Người có QL&NVLQ

Chu Văn Nghĩa